TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 8 - 2023
V/v Ly hôn, trAh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Việt Hà

Bà Đỗ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023 về Ly hôn, trAh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số: 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Quàng Thị M** - Sinh năm 1992; Địa chỉ: Bản P, xã P , thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Bị đơn: Ah **Lò Văn A** - Sinh năm 1986; Địa chỉ: Bản P, xã P, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Quàng Thị M và Ah Lò Văn A kết hôn năm 2016 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc trong vài tháng đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quA điểm sống, Ah A thường bỏ bê gia đình, về nhà uống rượu rồi đánh đập chị M làm chị M và con gái vô cùng sợ hãi và hoảng loạn. Gia đình và họ hàng hai bên đã nhiều lần khuyên cA, đã từng nhờ đến trưởng bản hoà giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng Ah A không thay đổi. Ah chị đã ly thân từ tháng 06/2021 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân không có hạnh phúc nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với Ah A.

2. Về con chung: Chị M khai vợ chồng có 01 con chung là cháu Lò Thị Kim N, sinh ngày 24/12/2016. Sau khi ly hôn chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu Ah A phải cấp dưỡng.

3. Về tài sản, nợ: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 13/01/2023, sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn và các yêu cầu cụ thể của chị M cho Ah A biết. Tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho Ah A, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo thụ lý vụ án, Ah A không có ý kiến trả lời bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập nhiều lần và tiến hành tống đạt thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án cho Ah A nhưng Ah A vẫn không đến Tòa án. Do vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự. Ngày 07/7/2023, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã ra quyết định xét xử và đã tống đạt hợp lệ cho Ah A nhưng Ah A vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất và tiến hành tống đạt quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Ah Lò Văn A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Quàng Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện giải quyết ly hôn với Ah A, chị xin được trực tiếp nuôi cháu N, chị không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng cũng như quA hệ tài sản và nợ như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình trAh tụng tại tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quA hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, Toà án xác định đây là vụ án TrAh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại bản P, xã Pá KhoAg, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về điều luật áp dụng: Chị M và Ah A kết hôn năm 2016 nên Toà án sẽ áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét tính hợp pháp của quA hệ hôn nhân cũng như để áp dụng giải quyết vụ án.

[4] Về việc vắng mặt đương sự: Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 175, Điều 177/ BLTTDS, việc Ah A không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72/BLTTDS là do Ah A đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ah A.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Về quA hệ hôn nhân:

Chị M và Ah A kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Pá KhoAg, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên trên tinh thần tự nguyên nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân trên là hợp pháp.

Theo bản tự khai của chị M, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, Ah A bỏ bê gia đình, thường xuyên đi chơi, uống rượu về nhà đánh đập chị M làm chị M và con gái vô cùng sợ hãi, gia đình và họ hàng hai bên đã nhiều lần khuyên cA nhưng không thành. Chị đã giao nộp cho Toà án biên bản hoà giải mâu thuẫn vợ chồng ngày 02/3/2021 liên quA đến việc Ah A có hành vi lấy trộm thóc, gà của nhà đi bán và đuổi đánh chị, biên bản có sự tham gia của đại diện Hội phụ nữ, trưởng bA mặt trận tổ quốc, bí thư chi bộ, bí thư chi đoàn, trưởng bản và hai bên gia đình nội ngoại. Tại Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân do chị M cung cấp thể hiện chính quyền địa phương xác nhận Ah A đã lao vào con đường ăn chơi, về nhà đánh đập chị M, hiện Ah chị đã sống ly thân từ tháng 06/2021 cho đến nay. Về phía Ah A, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn. Tuy nhiên, Ah A không có ý kiến trả lời, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Điều này thể hiện sự không thiện chí trong việc hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, cũng như việc tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình của Ah A.

Như vậy, có căn cứ xác định giữa chị M và Ah A không còn tình cảm vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị M xin ly hôn với Ah A là phù hợp theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị M được ly hôn với Ah A.

[5.2] Về con chung:

Chị M và Ah A có 01 con chung là cháu Lò Thị Kim N, sinh ngày 24/12/2016. Sau khi ly hôn chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu Ah A phải cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, chị M cung cấp cho Toà án văn bản xác nhận của chính quyền địa phương về việc chị M hiện đã có nhà ở và việc làm, thu nhập ổn định tại bản P, xã P. Tại bản tự khai ngày 20/4/2023, chị M là người trực tiếp nuôi cháu N từ khi còn bé cho đến nay, cháu đã quen ở với mẹ và có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Ah A trong quá trình giải quyết vụ án không có mặt tại Toà án cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu N, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu N cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc cấp dưỡng nuôi con chị M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.3] Về tài sản: Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: Do chị M không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng do chị M là người dân tộc thiểu số, cư trú ở xã P , thành phố Điện Biên Phủ là xã có điều kiện – kinh

tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 69; khoản 1, 2 Điều 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Quàng Thị M được ly hôn với anh Lò Văn A.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Lò Thị Kim N, sinh ngày 24/12/2016 cho chị Quàng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chị M không yêu cầu Toà án giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/8/2023). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân TP ĐBP;
- UBND xã Pá KhoAg, TP ĐBP;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký, đóng dấu)

Trần Thị Thu Trà